

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025 - 2026

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng Nga bậc 1

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2025 HỌC KỲ 1	RUS2080	Tiếng Nga 1A	3	6	QH.2025 HỌC KỲ 2	RUS2082	Tiếng Nga 2A	3	6
	RUS2081	Tiếng Nga 1B	3	6		RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	3	6
	RUS2083	Tiếng Nga 2B	0	3		RUS2083	Tiếng Nga 2B (Tiếng Nga 2B SV học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2)	3	3		PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3
		Ngoại ngữ B1	5	5		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3
						INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3
QH.2024 HỌC KỲ 3					FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	
	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6	
	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6	RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6	
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga (Thực hành ngữ pháp tiếng Nga SV học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ)	3	3	
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2	
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK3 hoặc HK5)	6	6		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK4 hoặc HK5)	6	6	
	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3	FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3	
	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3	FLF1010	Tri tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3	
	PHI1051**	Logic học đại cương	3	3	FLF1016	Địa chính trị	3	3	
	FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3	FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3	
	PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3	FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3	
	FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3	FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3	
	FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
	FLF1054	Thư pháp	3	3					
FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3						

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Dương Hồng Ngọc

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025 - 2026

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga

Dành cho sinh viên có năng lực tiếng Nga bậc 4

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần				
QH.2025 HỌC KỲ 1	RUS2084	Tiếng Nga 3A	3	6	QH.2025 HỌC KỲ 2	RUS2087	Tiếng Nga 4A	3	6				
	RUS2085	Tiếng Nga 3B	3	6		RUS2088	Tiếng Nga 4B	3	6				
	RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại	0	3		RUS2079	Tiếng Nga giao tiếp đương đại (<i>Tiếng Nga 2B SV học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ</i>)	3	3				
	HIS1056	Cơ sở văn hóa Việt Nam (<i>SV có thể chọn học tại HK 1 hoặc HK 2</i>)				PHI1006	Triết học Mác - Lênin	3	3				
		Ngoại ngữ B1	5	5		VLF1052	Nhập môn Việt ngữ học	3	3				
						INT1004	Tin học cơ sở 2	3	3				
QH.2024 HỌC KỲ 3					FLF1018	Kỹ năng bổ trợ	3	3	QH.2024 HỌC KỲ 4	PHI1002	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2
	FLF1009	Tư duy sáng tạo và khởi nghiệp	3	3	RUS2092	Kỹ năng sử dụng tiếng Nga nâng cao	3	6		RUS2094	Ngôn ngữ và truyền thông	3	6
	PEC1008	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	2		RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga (<i>Thực hành ngữ pháp tiếng Nga sv học trong 2 HK, HK thứ 2 mới tính điểm môn học và số tín chỉ</i>)	3	3
	RUS2091	Nghệ thuật diễn thuyết trước công chúng	3	6							Tự chọn khối II.2 (<i>SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK4 hoặc HK5</i>)	6	6
	RUS2093	Viết luận đại học	3	6	FLF1059	Thống kê và phân tích dữ liệu trong nghiên cứu khoa học	3	3		FLF1007	Công nghệ thông tin & truyền thông	3	3
	RUS2090	Thực hành ngữ pháp tiếng Nga	0	3	VLF1053**	Tiếng Việt thực hành	3	3		FLF1010	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	3
					PHI1051**	Logic học đại cương	3	3		FLF1016	Địa chính trị	3	3
					FLF1050	Cảm thụ nghệ thuật	3	3		FLF1005	Tìm hiểu cộng đồng Châu Á	3	3
					PSF1050	Tâm lý học đại cương	3	3		FLF1006	Tìm hiểu cộng đồng Châu Âu	3	3
					FLF1052	Tư duy hình ảnh	3	3		FLF1015	Học tập cùng cộng đồng	3	3
					FLF1053	Thiết kế cuộc đời	3	3					
					FLF1054	Thư pháp	3	3					
					FLF1055	Cổ học tình hoa	3	3					

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Dương Hồng Ngọc

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025 - 2026

NGÀNH: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Biên Phiên dịch

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 5	RUS3034	Lý thuyết dịch	3	3	QH.2023 HỌC KỲ 6	RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3		RUS3030	Phiên dịch	3	3
	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		RUS3017	Biên dịch	3	3
	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3		RUS3040	Kỹ năng nghiệp vụ biên phiên dịch	3	3
	RUS2089	Tiếng Nga 4C (SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)	3	6		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			Tự chọn khối IV.2.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	6	6
		Tự chọn khối II.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK4 hoặc HK5)	6	6		RUS2046	Văn học Nga 1	3	3
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3		RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3
	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3			Tự chọn khối V.1.2 (SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK 7)	9	9
		Tự chọn khối III.2 (SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK3 hoặc HK5)	6	6		RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		RUS3048	Hướng dẫn du lịch	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3						
QH.2022 HỌC KỲ 7	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8	RUS4001	Thực tập	3	
	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	3		RUS4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V	6	
		Tự chọn khối IV.2.2	6	6		Các học phần thay thế thi tốt nghiệp			
	RUS2030	Phong cách học tiếng Nga	3	3		RUS3031	Tiếng Nga công sở	3	3
	RUS2031	Đổi chiều tiếng Nga và tiếng Việt	3	3		RUS3035	Tiếng Nga kinh tế	3	3
	RUS2036	Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại	3	3					
	RUS2045	Từ vựng học tiếng Nga	3	3					
	RUS2047	Văn học Nga 2	3	3					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3					
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
		(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối IV.2.2 ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)							
		Tự chọn khối V.1.2	9	9					
	RUS3029B	Phương pháp dạy-học tiếng Nga	3	3					
	RUS3037	Dịch văn bản chuyên ngành	3	3					
	RUS3039	Dịch chuyên ngành 1	3	3					
	RUS3042	Dịch chuyên ngành 2	3	3					
	RUS3041	Phân tích đánh giá bản dịch	3	3					
ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3						
ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3						
	(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối V.1.2 ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)								

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Dương Hồng Ngọc

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY NĂM HỌC 2025 - 2026

NGÀNH/ định hướng: Ngôn ngữ Nga - Định hướng Du lịch

KHÓA	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số giờ/ tuần	KHÓA	Mã HP	Tên học phần	SỐ TC	Số giờ/ tuần
QH.2023 HỌC KỲ 5	RUS2089	Tiếng Nga 4C <i>(SV có thể chọn học tại HK5 hoặc HK6)</i>	3	6	QH.2023 HỌC KỲ 6	RUS3017	Biên dịch	3	3
	RUS3043	Nhập môn khoa học du lịch	3	3		RUS3030	Phiên dịch	3	3
	RUS2033	Ngôn ngữ học tiếng Nga 1	3	3		RUS3032	Tiếng Nga du lịch	3	3
	RUS2032	Giao tiếp liên văn hóa	3	3		RUS2034	Ngôn ngữ học tiếng Nga 2	3	3
	RUS2003	Đất nước học Nga	3	3		RUS3048	Hướng dẫn du lịch	3	3
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		HIS1001	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2
		Tự chọn khối II.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK4 hoặc HK5)</i>	6	6			Tự chọn khối IV.2.2 <i>(SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK7)</i>	6	6
	RUS1001B	Địa lý đại cương	3	3		RUS2046	Văn học Nga 1	3	3
	RUS1002	Môi trường và phát triển	3	3		RUS2035	Ngữ dụng học tiếng Nga	3	3
		Tự chọn khối III.2 <i>(SV có thể chọn học các HP nhóm này tại HK3 hoặc HK5)</i>	6	6			Tự chọn khối V.2.2 <i>(SV có thể chọn học tại HK 6 hoặc/và HK7)</i>	9	9
	FLF1002**	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3	3		RUS3046	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	3
	FLF1056	Tư duy phê phán	3	3		RUS3045	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	3
	HIS1053**	Lịch sử văn minh thế giới	3	3					
	FLF1057	Văn hóa các nước ASEAN	3	3					
QH.2022 HỌC KỲ 7	RUS3038	Giao tiếp và lễ tân ngoại giao	3	3	QH.2022 HỌC KỲ 8	RUS4001	Thực tập	3	
		Tự chọn khối IV.2.2	6	6		RUS4051	Khóa luận Tốt nghiệp hoặc học 2 HP tự chọn trong số khối IV, V	6	
	RUS2030	Phong cách học tiếng Nga	3	3		Các học phần thay thế thi tốt nghiệp			
	RUS2031	Đôi chiếu tiếng Nga và tiếng Việt	3	3		RUS3031	Tiếng Nga công sở	3	3
	RUS2036	Những xu hướng mới trong tiếng Nga hiện đại	3	3		RUS3035	Tiếng Nga kinh tế	3	3
	RUS2045	Từ vựng học tiếng Nga	3	3					
	RUS2047	Văn học Nga 2	3	3					
	ENG3087	Giao tiếp liên văn hóa và giải quyết xung đột	3	3					
	ENG3088	Kỹ năng thuyết trình	3	3					
		<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối IV.2.2 ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)</i>							
		Tự chọn khối V.2.2	9	9					
	RUS3033	Tiếng Nga du lịch nâng cao	3	3					
	RUS3019	Địa lý văn hóa du lịch	3	3					
	RUS3018	Biên dịch nâng cao	3	3					
	RUS3028	Phiên dịch nâng cao	3	3					
	RUS3047	Kinh tế du lịch	3	3					
	RUS3029B	Phương pháp dạy-học tiếng Nga	3	3					
	ENG3089	Tiếng Anh kinh tế và doanh nghiệp	3	3					
ENG3090	Tiếng Anh phát triển nghề nghiệp	3	3						
	<i>(Sinh viên đã tích lũy đủ HP tự chọn thuộc khối V.2.2 ở HK6 sẽ không tích lũy ở HK7)</i>								

Hà Nội, ngày 5 tháng 5 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐT&NH

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phạm Dương Hồng Ngọc

Nguyễn Quỳnh Hoa

Hà Lê Kim Anh